

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/04/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	22	0		22	0	
2		TD1	7:25	22	0		22	0	
3		PPD+P4	7:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
4		CLO	7:25	22	0		22	0	
5		TD1	7:25	22	0		22	0	
6		TD2	9:25	22	0		22	0	
7		P5+TD2	9:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
8		P5+P4	9:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
9		TD1+MRM	9:25	11+11	0+0		5+17	0+0	
10		RP3+CLO	9:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
11		RP3+RP2	11:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
12		PPD	11:25	22	0		22	0	
13		CLO+P5	11:25	18+3	0+0		14+8	0+0	
14		TD1	11:25	21	0		22	0	

TTBBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: ATUÁN - VThắng - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	13	1	2	100	73	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	03	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
3	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	06	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TRUNG THỌ	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	02	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	10	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN ĐẠO	TD2	11	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	16	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
10	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD2	24	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	09	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD2	01	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
13	EREMEEV E.N	TD2	26	1	15		95	KHOAN	Russian
14	PHẠM VĂN HIỆU	TD2	25	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ MẠNH THẮNG	TD2	08	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	GROMOV S.A	TD2	23	1	10		85	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	12	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	07	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM MINH THẮNG PK-PVD	TD2	14	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	15	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
21	BUI NGỌC DUNG	TD2	04	1	2		79	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH ANH	TD2	05	1	3		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

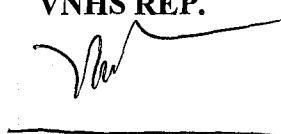
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	20	101	1.617	100	22		
TOTAL		22	20	101	1.617	100	22		
WEIGHT KG				101	1.617	100			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1	CREW: Vận - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV	TD1	94	1	15		103	KHOAN	Russian
2	HOANG VAN MINH	TD1	96	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM CONG TIEN	TD1	97	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN HOAN	TD1	98	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MINH HAI*PK-PVD	TD1	90	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN DUY	TD1	698	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG THANG	TD1					49	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VAN NINH	TD1	200	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DUNG	TD1					69	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN NAM	TD1	68	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUY	TD1	95	1	5	45	65	KHOAN	Vietnamese
13	STESHIN V.B	TD1	65	1	12		161	KHOAN	Russian
14	PHAN VIET HUNG	TD1	66	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN NGUYEN	TD1	70	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	92	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
17	MAI ANH TUAN	TD1	70	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
18	TRINH CAO TRONG	TD1	700	1	3	50	73	KHOAN	Vietnamese
19	VU MANH HAI	TD1	96	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
20	BUI NGOC QUANG	TD1	699	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1	93	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUY KHIEM	TD1	99	1	9		66	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

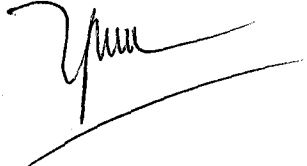
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	19	109	1.636	95	22		
	TOTAL	22	19	109	1.636	95	22		
	WEIGHT KG			109	1.636	95			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - P4	CREW: Nam - Mạnh - Q.Trường	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TAI	PPD	81-82	2	10	80	72	KHI	Vietnamese
2	KHARITONOV IOC	PPD				40	76	KHI	Russian
3	BERNHIKOV V.N	PPD	80	1	9		109	KHI	Russian
4	ĐO CHUNG KIEN	PPD	78	1	3		62	KHI	Vietnamese
5	ĐO MINH QUAN	PPD	79	1	5		96	KHI	Vietnamese
6	VU THANH BINH	PPD	77	1	5		80	KHI	Vietnamese
7	PHAN HONG TAM	P4	28-29	2	10		60	KHI	Vietnamese
8	KOLESNIK A.IO	P4	35	1	6		104	KHI	Russian
9	TRUONG THANH GIAP	P4	33-34	2	10		73	KHI	Vietnamese
10	PHAM TRAI	P4	30	1	4		71	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	73	1	6		70	KHI	Vietnamese
12	TA XUAN HIEU	P4	72	1	4		62	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HA	P4	27	1	2		70	KHI	Vietnamese
14	PHAM DUC HIEP	P4	32	1	3		76	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VIET NGOC	P4	31	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	VU DINH CUONG	P4	26	1	4		76	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN MINH CANG	P4	75	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	PHAM MONG THANH	P4	77	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TAI	P4	25	1	4		70	KHI	Vietnamese
20	PHAN DINH NHAM	P4	76	1	4		58	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	74	1	2		77	KHI	Vietnamese
22	HOANG VAN TRUNG	P4				24	65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	6	32	495	120	4		
2	P4	16	17	74	1.140	24	18		
TOTAL		22	23	106	1.635	144	22		
WEIGHT KG				106	1.635	144			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 07	TO: CLO	CREW: ĐỨC - VTHU - ĐANG	ETA: 09:35
HONG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIOV S.L	CLO	13	1	5	20	96	KHOAN	Russian
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	16-18	3	20		77	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUNG	CLO	10	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY NAM	CLO	07	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
5	VU MINH TU	CLO	09	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẬU VAN MINH	CLO	08	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	CLO	23	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN CHIEN THANG-PVD	CLO	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VAN MẠNH-PVD	CLO	20	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	19	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VĂN VIỆT	CLO	11	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN TAM	CLO	25	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN DUY	CLO	27	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
14	DATSKO PAVEL	CLO	12	1	10		110	KHOAN	Russian
15	PHẠM VĂN LAM	CLO	06	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG THANH	CLO	21	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH NGỌC BÌNH- *PK-PVD	CLO	24	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	MAI VĂN HỘI	CLO	26	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN HỮU SƠN	CLO					66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LỘC	CLO	14	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
21	CHU ĐỨC AI	CLO	22	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
22	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	15	1	8		56	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	23	117	1.612	20	22		
	TOTAL	22	23	117	1.612	20	22		
	WEIGHT KG			117	1.612	20			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	TO: TD1	CREW: Hạnh - MTHAO - DTùng	ETA: 09:30
VANG-1A			

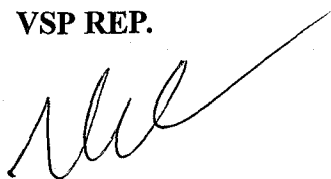
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TUAN ANH*TT	TD1	15-16	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	11	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	18	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	23	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN DAT	TD1	10	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO MINH DUNG	TD1	14	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1	12	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	02	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN TRƯỜNG-PVDT	TD1	13	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TRI	TD1	17	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO QUANG LỤC*TT	TD1	26	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU LUAN	TD1	01	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	20	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRONG TIEN	TD1	04	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TUONG TU	TD1	09	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THAI	TD1	21	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN DUY TÂN*TB-PVDT	TD1	22	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	08	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	24-25	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
20	NG VĂN THỊN*MC-PVD	TD1	03	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH TIẾN	TD1	05	1	8		94	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM ĐOÌ	TD1	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

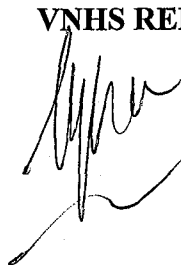
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	24	136	1.560	0	22		
TOTAL		22	24	136	1.560	0	22		
WEIGHT KG				136	1.560	0			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: TD2	CREW: ATUÁN - VThắng - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG QUỐC ĐOÀN*PK-PVD	TD2	50	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	28	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	30	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VĂN HUY	TD2	33	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THANH GIANG	TD2	34	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO BA NAM	TD2	29	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD2	43	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD2	40	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
9	KARIMOV	TD2	51	1	15		82	D-HANH	Russian
10	HOÀNG MINH SƠN	TD2	46	1	12		75	ANTOAN	Vietnamese
11	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	39	1	7		70	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD2	36	1	7		70	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỂN	TD2	44	1	5		74	DVL	Vietnamese
14	KIEU TUẤN ANH	TD2	42	1	8		85	DVL	Vietnamese
15	LUU BA XƠ	TD2	47	1	10	20	82	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THỦ	TD2	45	1	12		65	DVL	Vietnamese
17	TRẦN ANH TUẤN	TD2	27	1	12		76	DVL	Vietnamese
18	HOÀNG MẠNH HÙNG	TD2	31	1	3		82	GETRACO	Vietnamese
19	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	32	1	5		92	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC THẮNG	TD2	37-38	2	8		82	GETRACO	Vietnamese
21	BUI HỮU TRI	TD2	35	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
22	ĐÌNH EM	TD2	41	1	2		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	23	164	1.614	20	22		
	TOTAL	22	23	164	1.614	20	22		
	WEIGHT KG			164	1.614	20			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: P5 - TD2	CREW: Vận - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:15
Cam 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV D.S	P5	65	1	3	50	67	KHOAN	Russian
2	BUI NGOC LAM	P5	46	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HUNG	P5	49	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUOC TUAN	P5					67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN PHUOC	P5	51	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DUC DUC	P5	61	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG DUNG	P5	56	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM XUAN HUY	P5	50	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN DOANH	P5					69	KHOAN	Vietnamese
10	DO VAN PHAN	P5	54	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUYET TIEN	P5	47	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG HAO	P5	60	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
13	DAO THE VU	P5	30	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	P5	52	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGAN	P5	59	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN SON	P5	55	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN BA LUONG	P5					62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN XUAN	P5	53	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
19	VU CAO BANG	P5	48	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
20	VU VAN HOA	P5	58	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DINH CUONG	P5	57	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN HUU THUONG	TD2	96	1	4		82	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	21	18	84	1.455	50	20		
2	TD2	1	1	4	82	0	2		
TOTAL		22	19	88	1.537	50	22		
WEIGHT KG				88	1.537	50			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: P5 - P4	CREW: Hạnh - MTHAO - DTùng	ETA: 11:30
TRANG-2			

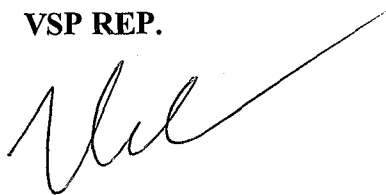
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH HIẾU	P5	01	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ HOANG TAN	P5	05	1	12	20	89	DVL	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THUẬT	P5	02	1	14		71	DVL	Vietnamese
4	VŨ VĂN NAM	P5	04	1	13		65	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CHAN	P5	03	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VIET PHONG LUU	P4	80	1	14		88	XAY LAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DOAN	P4	89	1	11		75	XAY LAP	Vietnamese
8	NGUYEN MANH HIEN	P4	98-99,900	3	20	35	80	XAY LAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC HÙNG	P4	97	1	12		71	XAY LAP	Vietnamese
10	VŨ QUỐC VƯƠNG	P4	94-96	3	16		77	XAY LAP	Vietnamese
11	NGÔ TRUNG KIẾN	P4	02	1	10		73	XAY LAP	Vietnamese
12	PHẠM THAI SƠN	P4	01	1	10		82	XAY LAP	Vietnamese
13	ĐINH VŨ TIỀN	P4	81	1	11		73	XAY LAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	P4	79	1	7		72	XAY LAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HẠNH	P4	92-93	2	15		59	XAY LAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P4	91	1	10		56	XAY LAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU TOÀN	P4	82	1	10		58	XAY LAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM KHÁNH	P4	87-88	2	16		67	XAY LAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN KHÁNH	P4	85-86	2	18		60	XAY LAP	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P4	83-84	2	20		54	XAY LAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CHIỂU	P4	90	1	11		61	XAY LAP	Vietnamese
22	LÊ QUÝ BUÔNG	P4	78	1	11		57	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

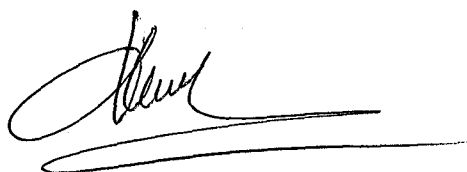
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	5	45	348	20	5		
2	P4	17	25	222	1.163	35	17		
TOTAL		22	30	267	1.511	55	22		
WEIGHT KG				267	1.511	55			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	TO: TD1 - MRM	CREW: Nam - Mạnh - QTrưởng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	48	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
2	HA MINH TUAN	TD1	42	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
3	LAI ĐỨC LAM	TD1	49	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ANH-PVDT	TD1	41	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	50	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TUNG	TD1	51-52	2	18		65	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TD1	43	1	7		80	DVL	Vietnamese
8	DOBROVLSKII O.A.	TD1	45	1	18		85	DVL	Russian
9	VŨ HAI THĂNG	TD1	44	1	12		75	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	46	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN DUNG	TD1	40	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
12	CHEPKO VITALY	MRM	09	1	7		82	KHOAN	Russian
13	PHẠM THE TAM	MRM	12-14	3	12		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TRUNG	MRM	11	1	13		85	KHOAN	Vietnamese
15	NAUMOV SERGEY	MRM	08	1	9		80	KHOAN	Russian
16	ALEKSEEV BORIS	MRM	05-07	3	15	6	88	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN BA TUÂN	MRM	03-04	2	15		57	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC HÙNG	MRM	01-02	2	9		64	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TIẾN	MRM	10	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN BÌNH MINH	MRM	15	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
21	LE THANH TU	MRM	16	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH HOÀN	MRM	99	1	7		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

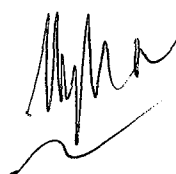
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	12	99	748	0	5		
2	MRM	11	17	109	812	06	17		
TOTAL		22	29	208	1.560	06	22		
WEIGHT KG				208	1.560	06			

GRAND TOAL: 1.768 KGS + 6 kg

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 10	TO: RP3 - CLO	CREW: ĐỨC - VTHU - ĐANG	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÂM TIỀN PHI	RP3	87	1	12		73	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	86	1	4		58	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SEN	RP3	88	1	5	130	73	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	85	1	6		79	KHI	Vietnamese
5	HỒ VĂN LUƠNG	RP3	84	1	3		63	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TAI-PVDT	CLO	36	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
7	TO ANH TUAN	CLO	30	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	31	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	35	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
10	LÂM XUÂN TU	CLO	37	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
11	ĐANG DUY LY	CLO	38	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHON	CLO	34	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN QUANG HIEN	CLO	46-47	2	8		62	KHOAN	Vietnamese
14	TU QUOC VIET	CLO	43	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CHI NGHIEP	CLO	44	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN SY LONG	CLO	42	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM MINH HOANG	CLO	33	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN THANH TÂM	CLO	45	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	41	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ MINH HIỆP	CLO	39	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	40	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
22	MAI NGỌC QUYỀN-CAM-PVDT	CLO	32	1	5		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	5	30	346	130	0		
2	CLO	17	18	84	1.194	0	22		
TOTAL		22	23	114	1.540	130	22		
WEIGHT KG				114	1.540	130			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: RP3 - RP2	CREW: Khang - Dương - N.Nam	ETA: 13:10
XANH-3			

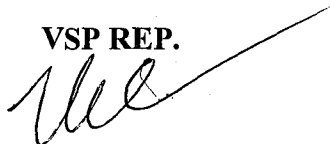
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	25-27	3	20		80	KHI	Vietnamese
2	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	23	1	5		78	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	14	1	3		60	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LẬP	RP3					60	KHI	Vietnamese
5	PHẠM BÌNH NAM	RP3	13	1	5		61	KHI	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG LINH	RP3	22	1	3		74	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
8	VALEEV I	RP3	24	1	5		77	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN CÔNG KHOAI	RP3	19	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI TRỌNG TRIU	RP3	01-02	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN TỨC	RP3	15-16	2	9		55	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO VĂN TUÂN	RP3	11-12	2	19		82	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LONG	RP3	05-06	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC TIÊM	RP3	03	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
15	DƯƠNG MINH HOANG	RP3	17	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	RP3	04	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC THỌ	RP3	09-10	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGO HỒNG THANH	RP3	08	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VIỆT HUY	RP3	18	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUẤT	RP3	07	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT DUNG	RP3	21	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LỘC	RP3	20	1	18		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

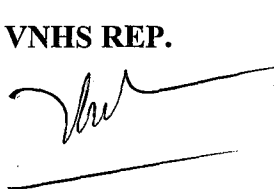
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	27	235	1.514	0	16		
2	RP2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	27	235	1.514	0	22		
WEIGHT KG				235	1.514	0			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

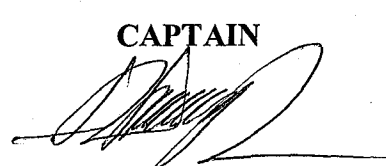
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	TO: PPD	CREW: Vận - VLinH - MQUÂN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOÃN VIẾT ĐIẾP	PPD	25	1	5	35	59	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÀ	PPD	37	1	3		73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG HIÊN	PPD	97	1	5		55	KHI	Vietnamese
4	PHẠM THANH BÌNH	PPD	700	1	6		84	KHI	Vietnamese
5	PHẠM HAI QUANG	PPD	62	1	5		75	KHI	Vietnamese
6	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	41	1	6		68	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NAM	PPD	23	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD					87	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN THANH	PPD	36	1	5		82	KHI	Vietnamese
10	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	60	1	5		78	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TÀI	PPD	22	1	5		73	KHI	Vietnamese
12	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	59	1	10		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	24	1	5		69	KHI	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	38	1	5	22	65	KHI	Vietnamese
15	ARTIUSHIN	PPD	26	1	15		95	ANTOAN	Russian
16	SAVELEV	PPD	98	1	7		108	NIPI	Russian
17	BUI MINH TRI	PPD	95-96	2	12		80	T-TIN	Vietnamese
18	VŨ HỒNG QUANG	PPD	20-21	2	11		76	PSV	Vietnamese
19	PHAN ĐỨC THUẬN	PPD	99	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG QUỐC LONG	PPD	61	1	5		56	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SA	PPD	58	1	3		68	PSV	Vietnamese
22	TÀ QUANG PHỤC	PPD	57	1	5		108	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	23	133	1.665	57	22		
	TOTAL	22	23	133	1.665	57	22		
	WEIGHT KG			133	1.665	57			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 13	TO: CLO - P5	CREW: Hạnh - MTHAO - DTùng	ETA: 13:30
TRANG-3			

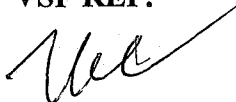
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN SANG	CLO	52	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN TUAN	CLO	53	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THANH	CLO	56	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN BINH	CLO	57	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TRUONG SINH	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DANG KHOA	CLO	59	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN PHU	CLO	48-49	2	10		75	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TUAN	CLO	51	1	5		77	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN DUY DONG	CLO	58	1	4		71	PSV	Vietnamese
10	LE MINH MINH	CLO	50	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	HOANG HUU THU	CLO	54	1	5		74	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LINH	CLO	64	1	6		65	PSV	Vietnamese
13	LAI DINH HAI	CLO	55	1	7		81	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TUAN	CLO	60	1	3		74	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUNG	CLO	63	1	6		71	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HAU	CLO	61	1	6		70	PSV	Vietnamese
17	PHAN MINH TUAN	CLO	62	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	DOAN QUYET THANG	P5	09-11	3	15		65	YTE	Vietnamese
19	LE XUAN TINH	P5	12	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	PHAN VAN HONG	P5	13	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	17	81	1.200	0	14		
2	P5	3	5	26	200	0	8		
TOTAL		20	22	107	1.400	0	22		
WEIGHT KG				107	1.400	0			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 14	TO: TD1	CREW: Nam - NPhú - QTrường	ETA: 13:20
VANG-3			

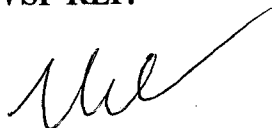
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔNG TIEN QUANG	TD1	83	1	17		74	DVL	Vietnamese
2	PHẠM TÙNG VY	TD1	75-76	2	12		65	DVL	Vietnamese
3	HOANG THAI VIỆT	TD1	91	1	5		60	DVL	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN ĐÔNG	TD1	87	1	11		59	DVL	Vietnamese
5	VUONG KIEN QUỐC	TD1	78	1	2		77	DVL	Vietnamese
6	LÊ HOAI THIÊN	TD1	88	1	13		74	DVL	Vietnamese
7	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD1	79	1	12		77	DVL	Vietnamese
8	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD1	89-90	2	8		72	DVL	Vietnamese
9	PHAN THANH TÀI	TD1	70-71	2	12		52	DVL	Vietnamese
10	PHẠM HOA VIỆT	TD1	72	1	4	19	63	YTE	Vietnamese
11	BUI TUÂN THÀNH	TD1	77	1	4		55	PSV	Vietnamese
12	DINH DOAN TUNG	TD1	80	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	ĐẶNG THẾ THANH	TD1					67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	TD1	86	1	2		75	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐÌNH TU	TD1	82	1	5		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIÊN SỸ	TD1	84	1	2		54	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TÍNH	TD1					91	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TÀI	TD1	85	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	ĐÌNH KHẮC THẠCH	TD1					60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN BÀ HÙNG	TD1	81	1	10		53	PSV	Vietnamese
21	BRATCHIKOV	TD1	92	1	5		95	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

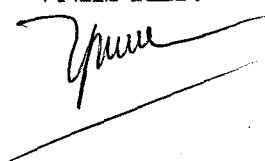
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	21	134	1.414	19	22		
	TOTAL	21	21	134	1.414	19	22		
	WEIGHT KG			134	1.414	19			

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	15	0		15	0	
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		PPD+TD5	7:25	8+14	0+0		6+16	0+0	
4		TD2+PPD	7:25	13+9	0+0		8+14	0+0	
5		CTK3+BK6+TD2	7:25	9+3+10	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
6		P6+TD3	7:25	10+12	0+0		10+11	0+0	
7		P1+TD5	9:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
8		CTK3+P5	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
9		AMD+PPD	9:25	16+6	0+0		11+11	0+0	
10		PPD+CTK3	9:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
11		P4+TD2	9:25	18+4	0+0		12+10	0+0	
12		RP3+CTC1+TD5	11:25	11+4+6	0+0+0		11+1+10	0+0+0	
13		CI	11:25	22	0		22	0	
14		AMD	11:25	22	0		19	0	
15		TD3+BK16+GTCl	11:25	7+9+5	0+0+0		7+8+7	0+0+0	
16		PPD+BK8+RP1	11:25	18+4+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
17		CI+RC5	13:25	22+0	0+0		16+5	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: NKhánh - Dũng	ETA: 10:45
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY TUÂN	T.UNG	66	1	7		82	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	T.UNG	64	1	10		75	PVD	Vietnamese
3	PHẠM QUANG QUY	T.UNG					62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH TUNG	T.UNG	67	1	4	25	69	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THANH	T.UNG					84	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	73	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ CHIẾN THẮNG	T.UNG	65	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	75	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRẦN SƠN	T.UNG	63	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BẮC	T.UNG	70	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HOA	T.UNG					71	PSV	Vietnamese
12	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	72	1	4		55	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	68	1	4		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	78	1	4		62	PSV	Vietnamese
15	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	71	1	8		72	PSV	Vietnamese
16	HÀ THE BÌNH	T.UNG	69	1	4		67	PSV	Vietnamese
17	HÀN VĂN HIẾU	T.UNG	74	1	10		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

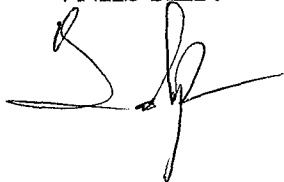
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	14	83	1.153	25	15		
TOTAL		17	14	83	1.153	25	15		
WEIGHT KG				83	1.153	25			

GRAND TOAL: 1.261 KGS

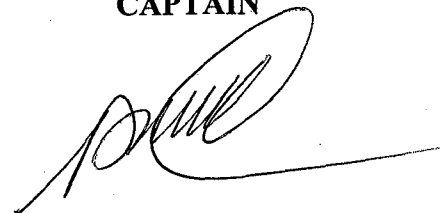
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: TD3	CREW: Phong - N.Anh - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOEV M.M	TD3	89	1	10		95	KHOAN	Russian
2	TRẦN VĂN THỌ	TD3	02	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	VÕ VĂN DŨNG	TD3					88	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	84	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	TRANG NGỌC HUNG	TD3	86	1	5	40	65	KHOAN	Vietnamese
6	LE THANH TUNG -PVD	TD3	193	1	12		95	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠO TIẾN THIẾT	TD3	184	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ HÙNG ANH	TD3	95	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	92	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ MẠNH THẮNG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	83	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	190	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
13	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VĂN LỢI	TD3	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM MINH TOÀN	TD3	191,93	2	12		58	YTE	Vietnamese
16	GUSHEYNOV M.A	TD3	90-91	2	10		86	KHOAN	Russian
17	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN THƯƠNG	TD3	94	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	85	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
20	BUI HUU VŨNG	TD3	88	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	93	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	21	123	1.647	40	22		
TOTAL		22	21	123	1.647	40	22		
WEIGHT KG				123	1.647	40			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: PPD - TD5	CREW: Vận - NPhú - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

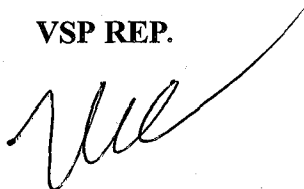
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	32	1	5	60	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ VIỆT ANH	PPD	29	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	33	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	35-36	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	34	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	30	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ MẠU MÈN	PPD	31	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	ALEKSANDEROV A.A	TD5	37	1	4		88	KHOAN	Russian
10	GONCHAROV S.A	TD5	43	1	8		96	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	42	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	49-50	2	13		86	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	39	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	38	1	14		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	48	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	41	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	TD5	44	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG*TN-PVD	TD5	40	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRINH ANH TRUONG	TD5	45	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
20	HỒ MINH TRINH	TD5	47	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
21	ZHDANOV V.N	TD5	46	1	15		124	KHOAN	Russian
22	TÔ ĐÌNH TỬ	TD5	51-52	2	11		69	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	8	45	582	60	6		
2	TD5	14	16	111	1.069	0	16		
TOTAL		22	24	156	1.651	60	22		
WEIGHT KG				156	1.651	60			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 04	TO: TD2 - PPD	CREW: MTHĂNG - VTHU - thông	ETA: 09:35
NAU-1			

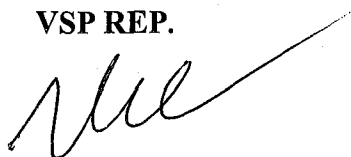
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	81	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
2	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	76	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ XUÂN VANG	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN MINH	TD2	74	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	79	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	82	1	5	20	74	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	84	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	77	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ VĂN HÙNG	TD2	80	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	75	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TỰ	TD2	78	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG-PVD	TD2	83	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ LONG	TD2	73	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG MINH HIỂU	PPD	27	1	6		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	PPD	28	1	10	74	62	YTE	Vietnamese
16	LÂM QUANG NAM	PPD	40	1	10		82	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	38-39	2	12		74	KHI	Vietnamese
18	BUI THANH HAI	PPD	35	1	3		60	KHI	Vietnamese
19	PHAN VĂN TÙNG	PPD	34	1	8		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	36	1	5		80	KHI	Vietnamese
21	VÔ TÀI QUANG	PPD	33	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD	37	1	4		84	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

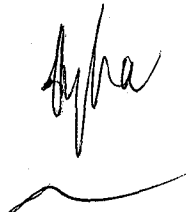
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	13	12	64	902	20	8		
2	PPD	9	10	63	655	74	14		
TOTAL		22	22	127	1.557	94	22		
WEIGHT KG				127	1.557	94			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

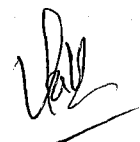
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 05	TO: CTK3 - BK6 - TD2	CREW: Hôi - TRƯỜNG - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	CTK3	01	1	7		74	D-HANH	Vietnamese
2	DINH MANH DUC	CTK3					70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐẠI	CTK3	05	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3	04	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TUÂN MINH	CTK3	06-07	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN THAI	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN DAN	CTK3	08	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	02	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	03	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÈ HUY	BK6	26	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ VĂN DŨNG.	BK6	27	1	12	40	63	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN MINH TOÀN	BK6	25	1	10	75	84	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN LINH	TD2	53-55	3	20	18	64	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	99	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN XUÂN	TD2	97	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	697	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	87	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
19	DƯƠNG HẢI BĂNG	TD2	52	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	98	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	700	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN NAM THĂNG-PVD	TD2	56	1	8		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	9	8	50	659	0	9		
2	BK6	3	3	32	221	115	3		
3	TD2	10	11	65	733	18	10		
TOTAL		22	22	147	1.613	133	22		
WEIGHT KG				147	1.613	133			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:50
FLIGHT: 06	TO: P6 - TD3	CREW: Khang - MMinh - Luy	ETA: 09:30
HONG-1			

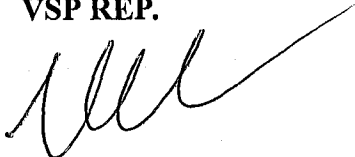
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH THẮNG	P6	64	1	10	70	68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH PHÔNG	P6	69	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN MINH	P6	74-75	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN VIỆT	P6	72-73	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÀO QUYẾT THẮNG	P6	67	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ XUÂN ĐẠT	P6	71	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN SỸ MY	P6	70	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN VĂN ĐỨC	P6	65-66	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LUONG	P6	68	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
10	NINH VĂN SƠN	P6	59-60	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ THANH HẢI	TD3	44	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
12	CHU VĂN THẮNG	TD3	42	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	45-46	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN LAM GIANG	TD3	43	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN BƯU TÂM	TD3	50	1	10		107	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD3	49	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ VĂN SƠN	TD3	51	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
19	MAI THÈ HIỀN	TD3	52	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN MUỘI	TD3	47	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
21	MAI TUÂN KIẾT	TD3	53-54	2	16		80	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN ĐÔNG HÙNG	TD3	48	1	10		79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

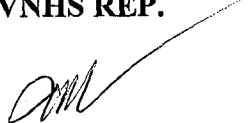
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	10	14	131	664	70	10		
2	TD3	12	13	101	948	0	12		
TOTAL		22	27	232	1.612	70	22		
WEIGHT KG				232	1.612	70			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 07	TO: P1 - TD5	CREW: Phong - N.Anh - THU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P1	47	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỀU	P1	79	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH BÌNH	P1	45	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHI CONG	P1	46	1	10	100	52	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC THANH CHUNG	P1	48	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN CHÍNH	P1	72-73	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ PHÚC HOANG	P1	78	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN SƠN ANH	P1	74-75	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	CÚ VIỆT LONG	P1	76	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NHẬT LINH	P1	77	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	56	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN DUY THANH	TD5	63	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	64-65	2	15	30	65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	61	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	60	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
16	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	55	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	58	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	57	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀO THANH SƠN	TD5	59	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VINH DUY	TD5	54	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD5	53	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THOẠI	TD5	62	1	10		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

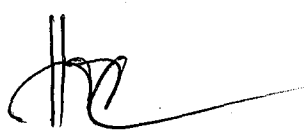
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	10	12	118	679	100	9		
2	TD5	12	13	74	828	30	13		
TOTAL		22	25	192	1.507	130	22		
WEIGHT KG				192	1.507	130			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	TO: CTK3 - P5	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	29	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY TUÂN	CTK3	19	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3				29	57	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	18	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	12	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	24	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI THANH HOAT	CTK3	21	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU SY	CTK3	26-27	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	11	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THAO	CTK3	23	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN VŨ	CTK3	14-15	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHẮC QUỐC	CTK3	09	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	16	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HẢI	CTK3	20	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG VĂN MẠNH	CTK3	22	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	17	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	28	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	10	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	13	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	21	130	1.553	29	15		
2	P5	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	21	130	1.553	29	22		
WEIGHT KG				130	1.553	29			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 09	TO: AMD - PPD	CREW: Vậ - XTrường - N Nam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	52	1	7	70	67	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY LAM	AMD	59	1	10		68	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VO BA LINH	AMD	55	1	11		70	HLJOC	Vietnamese
4	PHUNG MINH HAI	AMD	54	1	10		76	HLJOC	Vietnamese
5	TRAN MINH KIEN	AMD	53	1	8		68	HLJOC	Vietnamese
6	TRAN ANH QUAN	AMD	559,73	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
7	HY TAC SANG	AMD	01-02	2	18		71	TLJOC	Vietnamese
8	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	51	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG THE HIEN	AMD	67	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THIN	AMD	70-71	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM ANH ĐỨC	AMD	50	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	95	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAO CÔNG BÌNH	AMD	69,72	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VĂN LAM	AMD	56-58	3	20		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	AMD	68	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH PHUC AM	AMD	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC THU	PPD	08	1	7		61	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	09	1	4		70	KHI	Vietnamese
19	LÊ MINH PHỤNG	PPD	07	1	5		74	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HUU HAO	PPD	06	1	5		79	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN VINH	PPD	05	1	5		80	KHI	Vietnamese
22	PHAM HONG THAI	PPD	04	1	5		66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	22	161	1.114	70	11		
2	PPD	6	6	31	430	0	11		
TOTAL		22	28	192	1.544	70	22		
WEIGHT KG				192	1.544	70			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 10	TO: PPD - CTK3	CREW: Hôi - TRƯỜNG - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HA	PPD	51	1	5		59	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					78	KHI	Vietnamese
3	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	50	1	4		90	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUAN HUYNH	PPD	48	1	5		50	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	52	1	4		79	KHI	Vietnamese
6	TRẦN SƠN HẢI	PPD	49	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	TRẦN HOANG CHUÔNG	PPD	53-54	2	13		62	KHI	Vietnamese
8	HUYNH NAM LONG	PPD	47	1	7		72	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	46	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGỌC HAI	PPD	800	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	44	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HẢI	PPD	45	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	08	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	04	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	05	1	17		76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN BÀU	CTK3	07	1	5		60	ANTOAN	Vietnamese
19	KOSOLAPOV	CTK3	09	1	3	50	125	NIPI	Russian
20	KYREEV	CTK3	10	1	8		92	NIPI	Russian
21	NGUYỄN VĂN DŨNG	CTK3	11	1	5		67	NIPI	Vietnamese
22	PHẠM HOANG LONG	CTK3	15-16	2	10		80	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	12	76	869	0	9		
2	CTK3	10	10	66	759	50	13		
TOTAL		22	22	142	1.628	50	22		
WEIGHT KG				142	1.628	50			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 11	TO: P4 - TD2	CREW: Khang - MMinh - Luy	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUOC VIET	P4	20	1	4	40	63	KHI	Vietnamese
2	SUDAKOV A.A	P4	09	1	9		110	KHI	Russian
3	NGUYEN BACH DUONG	P4	11	1	6		75	KHI	Vietnamese
4	BUI HUU LAN	P4	13	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	TRAN DUY KHUONG	P4	15-16	2	10		87	KHI	Vietnamese
6	LE VAN HUONG	P4	05	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	LE NGOC KY	P4	12	1	3		70	KHI	Vietnamese
8	HOANG HUY TIEN	P4	07	1	8		57	KHI	Vietnamese
9	LE TRUNG LAM	P4	18	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN CHIEN CONG	P4	10	1	3		67	KHI	Vietnamese
11	DOAN VAN TRUC	P4	19	1	8		70	KHI	Vietnamese
12	HOANG THAI DUONG	P4					75	KHI	Vietnamese
13	ANSEROV V.	P4					80	KH-THAC	Russian
14	NGUYEN QUANG THANG	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MINH	P4	14	1	5		85	KHI	Vietnamese
16	BESPALOV	P4	08	1	10		90	NIP	Russian
17	NGUYEN TIEN DUNG	P4	17	1	5		67	NIP	Vietnamese
18	TRAN TRUNG KIEN	P4	06	1	4		67	PSV	Vietnamese
19	LE HUNG CUONG	TD2	88	1	3		100	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN QUOC VIET-PVDT	TD2	89	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	TRUONG QUOC THANG	TD2	86-87	2	22		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

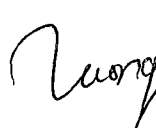
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	16	90	1.346	40	12		
2	TD2	3	4	30	240	0	10		
TOTAL		21	20	120	1.586	40	22		
WEIGHT KG				120	1.586	40			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:55
FLIGHT: 12	TO: RP3 - CTC1 - TD5	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	82	1	4		70	KHI	Vietnamese
2	TU NGỌC HAI	RP3	80-81	2	10		77	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					65	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					85	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	85	1	3		75	KHI	Vietnamese
6	NGÔ THANH LÂM	RP3	84	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	ĐƯƠNG HỒNG QUẬN	RP3	83	1	3		70	KHI	Vietnamese
8	PHẠM DUY DUNG	RP3					77	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					72	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀI NAM	RP3	77-78	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG ĐỊNH	RP3	75-76	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ NGỌC BÈN	CTC1	76	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG VŨ	CTC1	79	1	13	34	75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THÁI THANH	CTC1	78	1	10	60	80	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ TRỌNG NHIÊN	CTC1	77	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	73-74	2	18		67	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD5	72	1	10		63	DVL	Vietnamese
18	VŨ HỮU TÂN	TD5	71	1	10	30	77	DVL	Vietnamese
19	ĐỖ TRỌNG HIỀN	TD5	75	1	16		70	DVL	Vietnamese
20	BUI VĂN HỘI	TD5	70	1	14		53	XAYLAP	Vietnamese
21	TRINH QUỐC KHANH	TD5	69	1	8		100	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	10	59	812	0	11		
2	CTC1	4	4	43	283	94	1		
3	TD5	6	7	76	430	30	10		
TOTAL		21	21	178	1.525	124	22		
WEIGHT KG				178	1.525	124			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 13	TO: CLI	CREW: HUNG - KHOAN - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM DAI PHONG	CLI	90-91	2	10		67	YTE	Vietnamese
2	VU XUAN TAM	CLI	70	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	CHERNYSHEV	CLI	71	1	10		120	KH-THAC	Russian
4	DOKUCHAEV	CLI	73	1	10		105	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN CONG LAM	CLI	76-77	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HANG HAI	CLI	80	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI NGOC THIET	CLI	66	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC SON	CLI	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VU MINH TIEN	CLI	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC NGHI	CLI	74	1	5	60	60	KH-THAC	Vietnamese
11	DO VAN DOAN	CLI	81	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NAM KHANH	CLI	75	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
13	TO QUOC THINH	CLI	67	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LONG	CLI	69	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG QUOC VIET	CLI	92-93	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN TUE	CLI	84	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DAT	CLI	65	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN DU	CLI	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	Dinh Van Hoang	CLI	78	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NGUYEN QUANG	CLI	85	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VIET HOA	CLI	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐANG NHAT MINH	CLI	12	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	25	152	1.611	60	22		
TOTAL		22	25	152	1.611	60	22		
WEIGHT KG				152	1.611	60			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 14	TO: AMD	CREW: Vận - XTrường - QTrường	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	15	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG THAI (PVDT)	AMD	18	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	13	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI BA HUNG (PVDT)	AMD	19	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUÂN THUY	AMD	33	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VINH QUANG	AMD	26-27	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG ANH SON	AMD	14	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LE XUAN TUAN	AMD	24-25	2	11		56	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRAI	AMD	23	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HUU HUNG	AMD	29	1	6		65	KH-THAC	HLJOC
11	LE THANH HUNG	AMD	30-31	2	13		70	KH-THAC	HLJOC
12	BUI HAI NAM	AMD	36-37	2	12		60	KH-THAC	HLJOC
13	TANG XUAN CHIN	AMD	34-35	2	12		60	KH-THAC	HLJOC
14	TRAN BINH MINH	AMD	38-39	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN HAI ANH	AMD	16-17	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
16	TONG VAN ĐỨC	AMD	08-10	3	19		71	XAYLAP	Vietnamese
17	HA XUAN THANH	AMD	11	1	13	20	72	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM VAN HUNG	AMD	20	1	10		65	PSV	Vietnamese
19	LE QUOC THUẬN	AMD	28	1	3		70	PSV	Vietnamese
20	LE VAN THIEN	AMD	32	1	8		65	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN TRUNG	AMD	22	1	2		62	PSV	Vietnamese
22	PHAM TUAN THANH	AMD	21	1	5		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

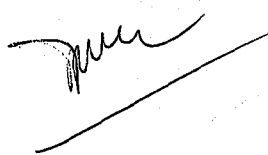
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	31	206	1.472	20	20		
	TOTAL	22	31	206	1.472	20	20		
	WEIGHT KG			206	1.472	20			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

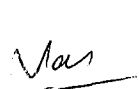
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 15	TO: TD3 - BK16 - GTC1	CREW: Hồi - MTuấn - DTùng	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	TD3	56	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG TÙNG	TD3	58	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	TÀ HOAI TRANG	TD3	55	1	6		74	ANTOAN	Vietnamese
4	TRẦN THAI AN	TD3	59	1	13		72	DVL	Vietnamese
5	ĐÌNH VIỆT DÙNG	TD3	57	1	4		55	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD3	60-61	2	10		67	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	06	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK16	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TRƯỜNG AN	BK16	07	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HÀ	BK16	12	1	6	35	67	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ CHÍ THANH	BK16	09-10	2	17		75	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	BK16	08	1	10		75	DVL	Vietnamese
13	ĐO NGỌC DUYỀN	BK16	04	1	13		74	DVL	Vietnamese
14	LE PHU PHÚC	BK16	11	1	8		86	DVL	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	05	1	6		74	PSV	Vietnamese
16	VŨ QUY HOÀNG	GTC1	94-96	3	13	50	71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	98	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	97	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TÂN	GTC1	92-93	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	77	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	7	43	405	0	7		
2	BK16	9	10	76	679	35	8		
3	GTC1	5	8	35	329	50	7		
TOTAL		20	25	154	1.413	85	22		
WEIGHT KG				154	1.413	85			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 16	TO: PPD - BK8 - RP1	CREW: Khang - CHIẾN - Toan	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	75	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN THẮNG	PPD	76	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH QUANG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	58	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ HIỆN THANH	PPD	68	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHAN	PPD	62	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC DŨ	PPD	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	59	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	63	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO MINH HOÀNG	PPD	57	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGỌC AN	PPD	72-73	2	8		72	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HỮU	PPD	60-61	2	22		62	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH CUÔNG	PPD	70-71	2	18		68	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TOÀN THẮNG	PPD	69	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ VĂN DŨNG	PPD	65-66	2	10		50	CODIEN	Vietnamese
17	HỒ CHIẾN THẮNG	PPD	67	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
18	LUƠNG THẾ HIỆN	PPD	55-56	2	20		66	NIPI	Vietnamese
19	ĐẶNG TRỌNG BAI	BK8	35	1	13	30	70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TRƯỞNG	BK8	36-37	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI QUỐC CUÔNG	BK8	34	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC TRI	BK8	33	1	9	80	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	22	140	1.200	0	18		
2	BK8	4	5	42	255	110	0		
3	RP1	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	27	182	1.455	130	22		
WEIGHT KG				182	1.455	130			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:30
FLIGHT: 17	TO: CLI - RC5	CREW: HUNG - KHOAN - Huy	ETA: 15:10
TIM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TRONG TUAN	CLI	95	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN DUNG	CLI	24	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN THIEN PHUOC	CLI	15	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN MINH DUC	CLI	19	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN TUYEN	CLI	200	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN KHANH	CLI	96-97	2	7		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU LAM	CLI	14	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	HÔ HAI HAU	CLI	25	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN ANH VIET	CLI	17	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH TRONG KIM	CLI	18	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI PHUC LINH	CLI	94	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN KHANH	CLI	21	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO QUỐC THANH MINH	CLI	27-28	2	20		90	CODIEN	Vietnamese
14	NGO KIM LAM	CLI	98-99	2	20		75	CODIEN	Vietnamese
15	TRINH HOAI DUC	CLI	29-30	2	20	12	70	CODIEN	Vietnamese
16	GASUKHA	CLI	31	1	11		94	ANTOAN	Russian
17	DOAN VAN DU	CLI	23	1	8		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG ANH	CLI	16	1	3		64	PSV	Vietnamese
19	BUI NGOC TAN	CLI	22	1	3		65	PSV	Vietnamese
20	HOANG PHUONG NAM	CLI	33	1	4		65	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN THUAT	CLI	20	1	4		64	PSV	Vietnamese
22	LUU QUY TRUNG	CLI	26	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	26	180	1.589	12	16		
2	RC5	0	0	0	0	55	6		
TOTAL		22	26	180	1.589	67	22		
WEIGHT KG				180	1.589	67			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN